

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 96/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 22/05/2020

“ V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA-TỈNH ĐỒNG NAI**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Triều Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Chánh
2. Bà Thiều Thị Phi Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuyên- Thư ký TAND TP.Biên Hòa.

- Đại diện VKSND thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa: Ông Trần Xuân Thìn- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 05 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 613/2020/TLST-HNGĐ ngày 20/02/2020 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/05/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị D, sinh năm 1986 .

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1980.

Trú tại: 1B, tổ 5, khu phố 4A, P.Trảng Dài, Thành phố B, Tỉnh Đ.
(Chị D và anh T có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn, bản tự khai của nguyên đơn chị Trần Thị D trình bày: chị và anh Nguyễn Minh T tự nguyện yêu thương nhau và có đăng ký kết hôn năm 2006 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Châu Hưng, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu. Quá trình chung sống không hạnh phúc nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên thường xuyên gây gổ và đã ly thân với nhau. Trước đây chị đã nộp đơn tại Tòa án nhân dân Thành phố Biên Hòa đề nghị giải quyết ly hôn với anh T nhưng chị rút lại đơn khởi kiện vì muốn cho anh T cơ hội để sửa lỗi làm nhưng anh T không chịu sửa đổi. Nay chị và anh T không còn tình cảm nên chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh T để chị ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Trần Ngọc T, sinh ngày 18/09/2007 và Nguyễn Trần Ngọc P, sinh ngày 06/3/2017, Chị D yêu cầu được nuôi các con chung vì hiện nay các cháu đang sống ổn định với chị và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi mỗi người con mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng).

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do bận công việc chị D đề nghị Tòa án cho chị được vắng mặt tại phiên tòa xét xử.

*Anh T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và có bản tự khai như sau: anh T không đồng ý ly hôn với chị D nếu chị D cương quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu của chị D. Anh T cũng thừa nhận anh và chị D sống ly thân hơn 01 năm nay, hai con chung đang sống với chị D. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi hai con chung là Nguyễn Trần Ngọc T, sinh ngày 18/09/2007 và Nguyễn Trần Ngọc P, sinh ngày 06/3/2017 và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có;

Về nợ chung: Không thiếu nợ ai.

Vì lý do bận công việc anh đề nghị Tòa án cho anh được vắng mặt tất cả các buổi làm việc cũng như tại phiên tòa xét xử.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và đương sự tham gia tố tụng tại phiên tòa là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Hôn nhân giữa chị D và anh T là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy tình cảm vợ chồng chị D và anh T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị D có căn cứ.

Về con chung: Hiện các con chung là Nguyễn Trần Ngọc T, sinh ngày 18/09/2007 và Nguyễn Trần Ngọc P, sinh ngày 06/3/2017 sống ổn định với chị D nên đề nghị Hội đồng xét xử giao các con chung cho chị D chăm sóc giáo dục là phù hợp.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Chị D yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi mỗi người con mỗi tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng). Về mức cấp dưỡng nuôi các con chung là quá cao so với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận và buộc anh T cấp dưỡng nuôi mỗi người con mỗi tháng là 1.500.000đ (một triệu năm trăm ngàn đồng).

Về án phí: Chị D và anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Minh T cư trú tại phường Trảng Dài, thành phố B, tỉnh Đ. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho anh T về việc thụ lý vụ án, làm việc, hòa giải, công khai chứng cứ và tham gia phiên tòa. Anh T đã có bản tự khai và tham gia phiên đối chất. Tuy nhiên anh Nguyễn Minh T có đơn xin vắng mặt. Ngày 05/05/2020 chị D có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị D và anh T chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Châu Hưng, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Theo lời khai của chị D thì chị và anh T chung sống với nhau không hạnh phúc, nguyên

nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung nên thường xuyên gây gổ nhau và đã sống ly thân nhau, chị đã từng nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhưng muốn tạo điều kiện cho anh T sửa chữa lỗi lầm nên chị đã rút đơn nhưng anh T không chịu sửa đổi nên chị cương quyết ly hôn với anh T. Tình cảm giữa chị D và anh T không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh T để chị ổn định cuộc sống mới. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị D và anh T thật sự trầm trọng không thể hàn gắn được, chị D và anh T đã sống ly thân, Tòa án đã tạo điều kiện hòa giải hàn gắn đoàn tụ nhưng chị D cương quyết ly hôn không đồng ý đoàn tụ. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D về việc ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: Chị D và anh T có hai con chung là Nguyễn Trần Ngọc T, sinh ngày 18/09/2007 và Nguyễn Trần Ngọc P, sinh ngày 06/3/2017. Hiện các con chung đang sống ổn định với chị D và nguyện vọng của con là muốn sống với mẹ nên Hội đồng xét xử giao các con chung cho chị D chăm sóc giáo dục là phù hợp.

[4] Xét về mức cấp dưỡng nuôi con: Chị D yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi mỗi người con mỗi tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng). Việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi mỗi người con mỗi tháng là 2.000.000đ là quá cao so với mức thu nhập của anh T nên chỉ chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi mỗi người con mỗi tháng là 1.500.000đ (một triệu năm trăm ngàn đồng).

[5] Về tài sản chung: Các đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết, chị D phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Anh T phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

[8] Ý kiến của Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên cần ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 207 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 9,10,11,12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; Căn cứ các Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Áp dụng Điều 6; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị D. Chị Trần Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

2. Về con chung: Giao các con chung là Nguyễn Trần Ngọc T, sinh ngày 18/09/2007 và Nguyễn Trần Ngọc P, sinh ngày 06/3/2017 cho chị Trần Thị D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Minh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi người con mỗi tháng là 1.500.000đ (một triệu năm trăm ngàn đồng) kể từ ngày tuyên án cho đến khi cháu Tuyền và cháu Phương tròn 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh Nguyễn Minh T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết, các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí: Chị Trần Thị D phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự TP Biên Hòa, biên lai số 0008228 ngày 06/02/2020. Chị D đã nộp xong án phí. Anh Nguyễn Minh T phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự (2);
- VKSND TP.Biên Hòa (2);
- Chi cục THA dân sự TP.Biên Hòa (1);
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- UBND thị trấn Châu Hưng,
H.Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (1);
- Lưu văn phòng (1).

Nguyễn Triều Châu

